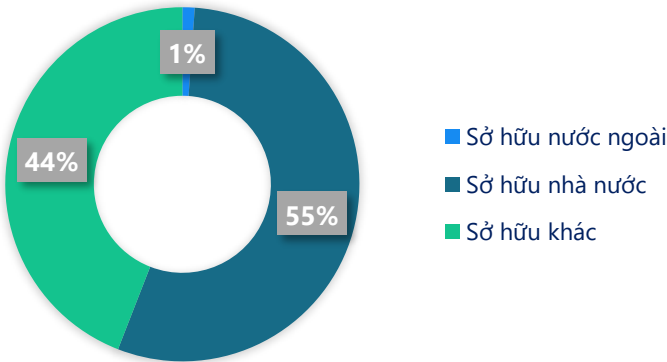


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,800
SL cổ phiếu LH		12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,200
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		148
P/E		-25.5
EPS		-452

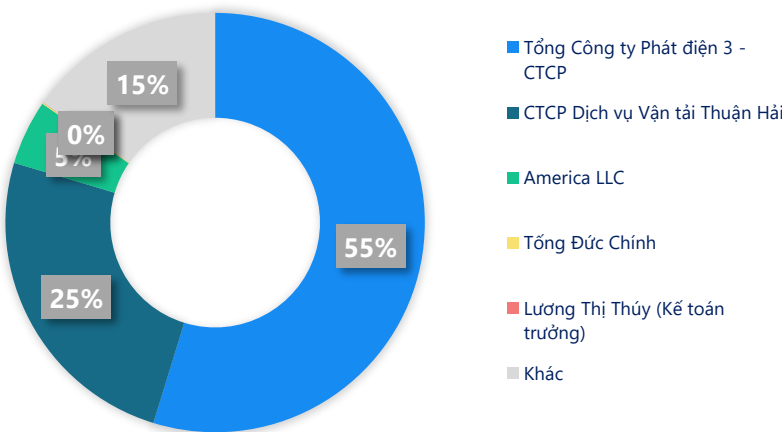
	YTD	1T	3T	6T
NBP	-4.2%	-7.3%	3.6%	-5.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



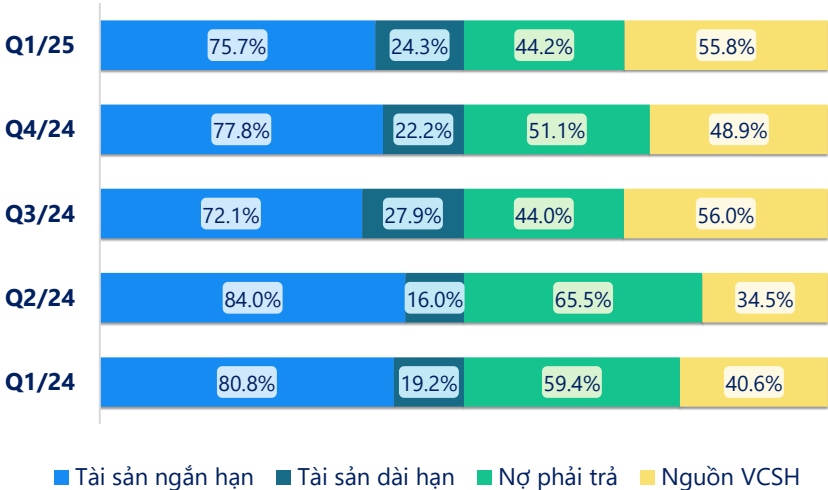
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



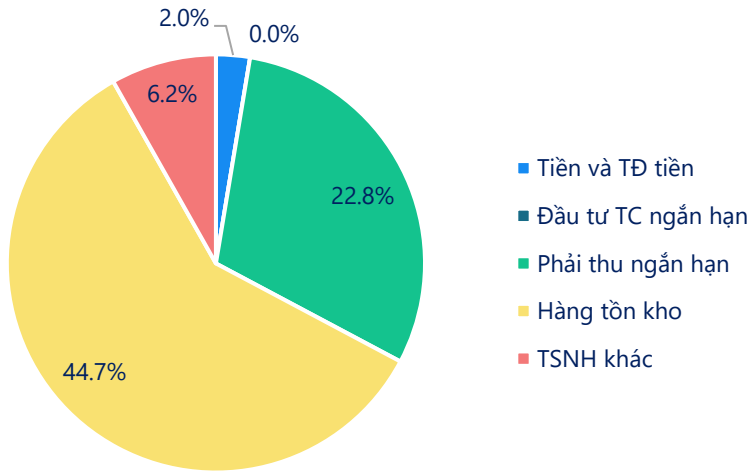
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

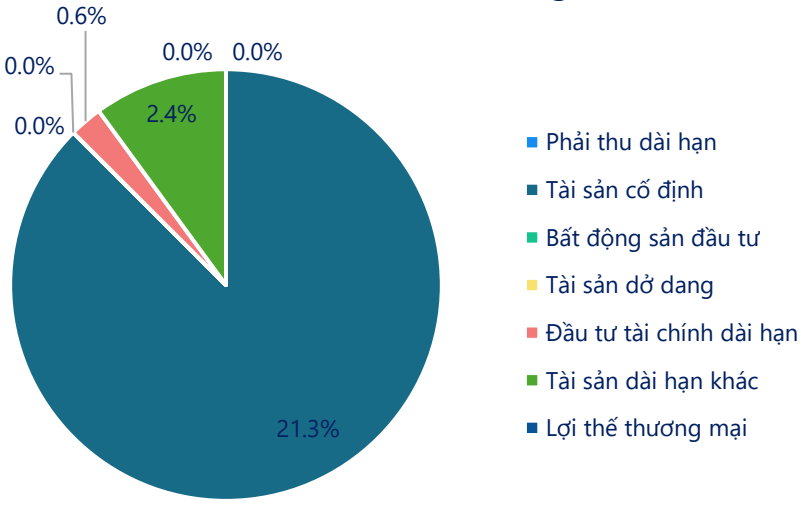
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q1/25

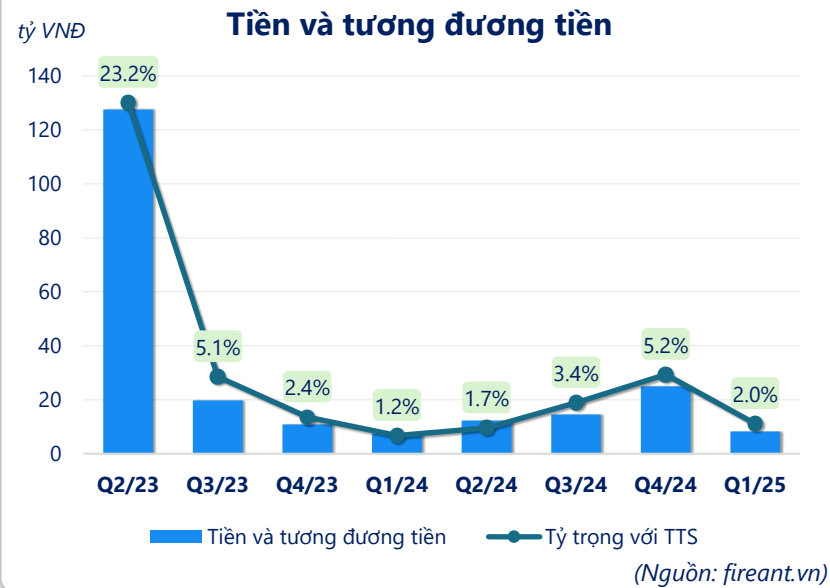
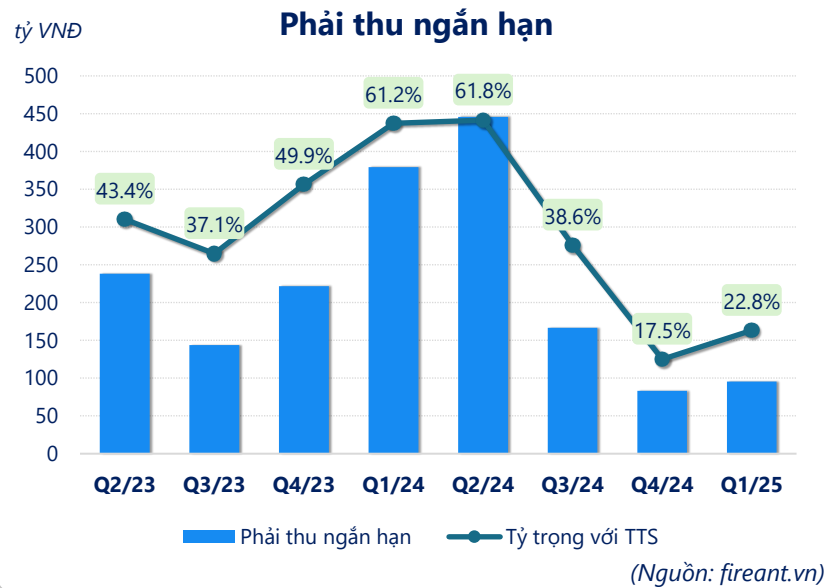
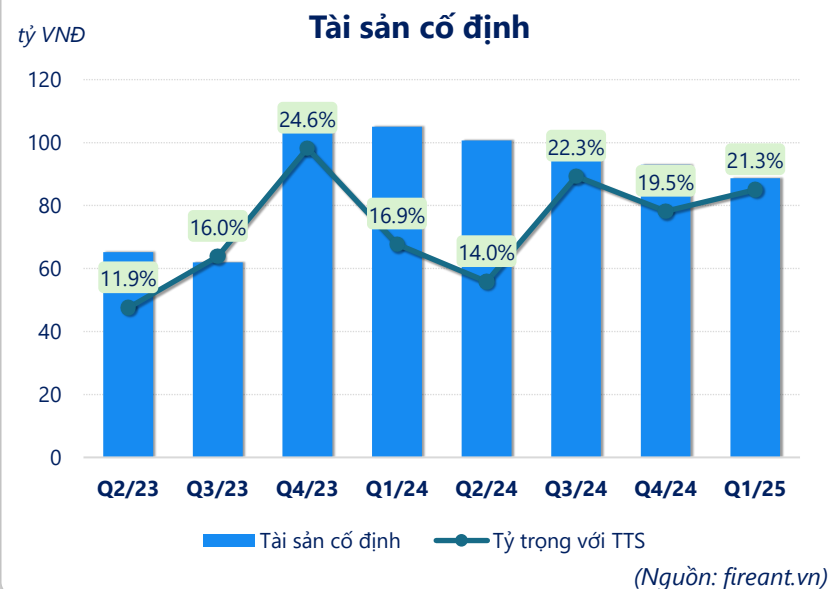
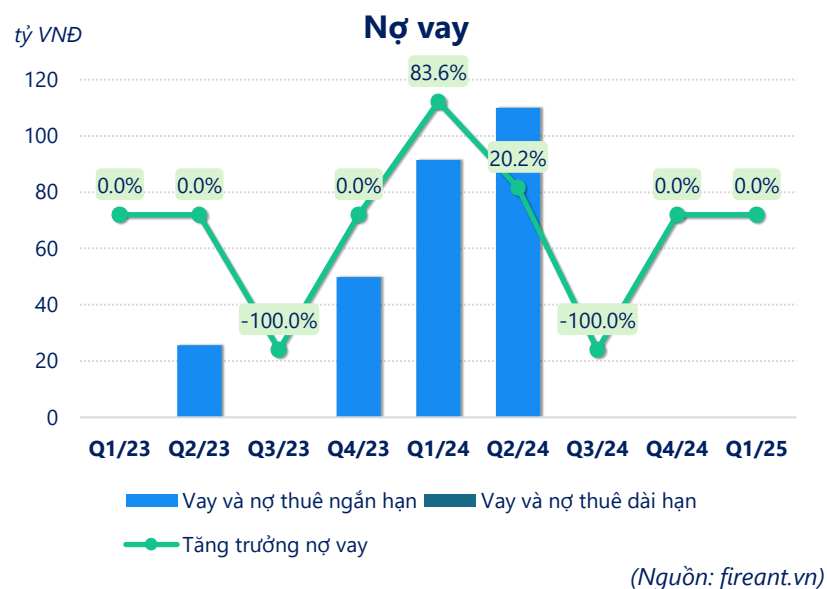
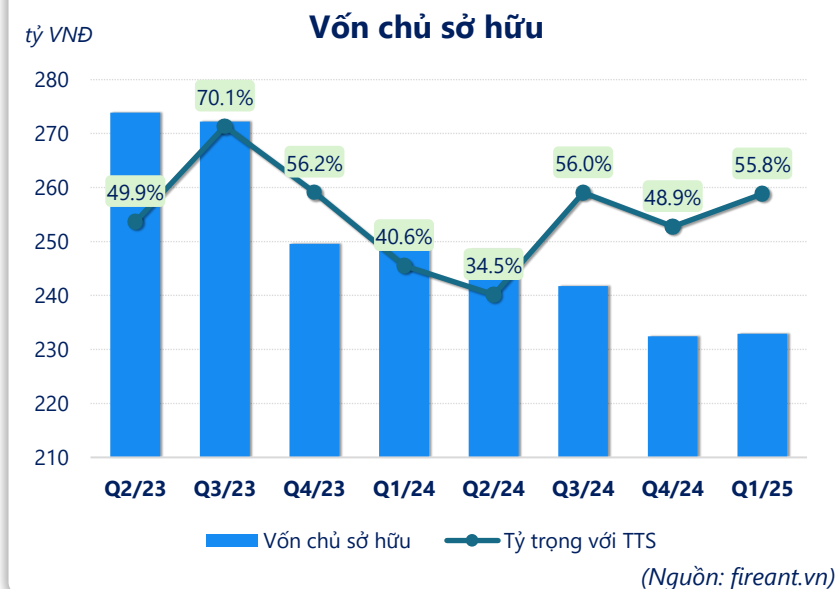
(Nguồn: fireant.vn)

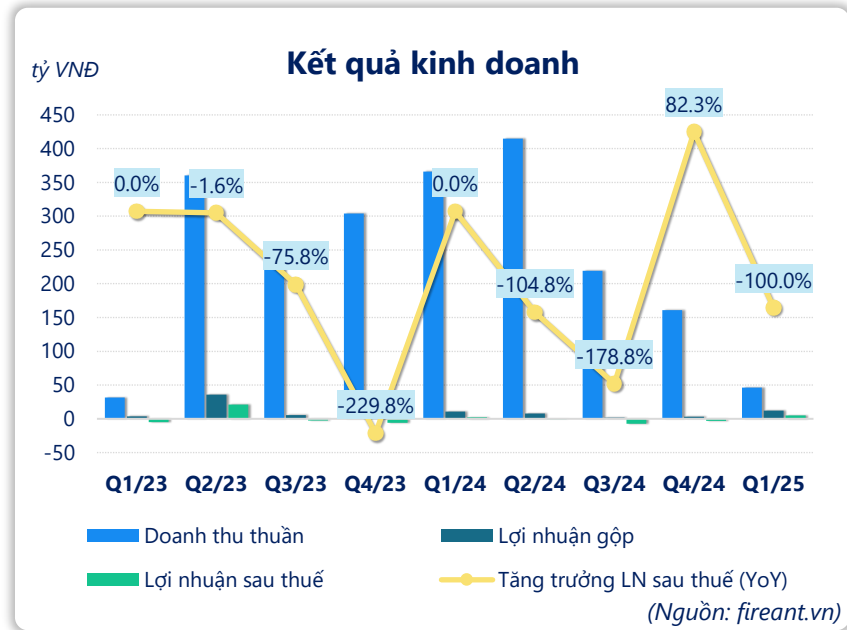
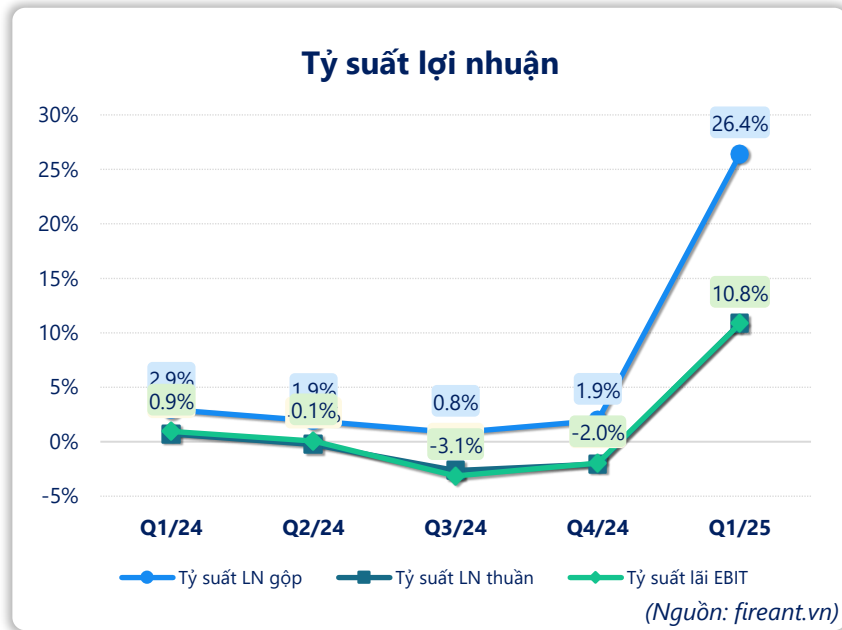
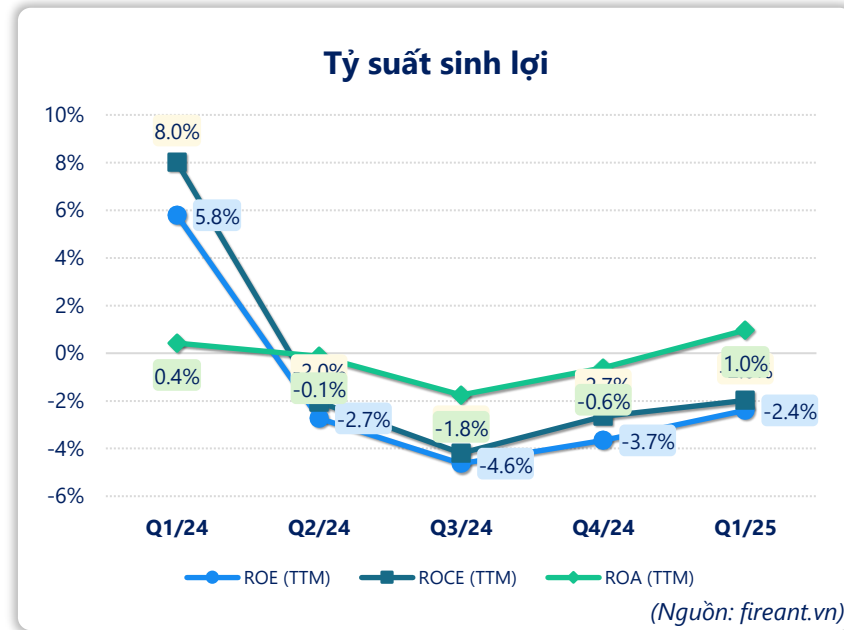
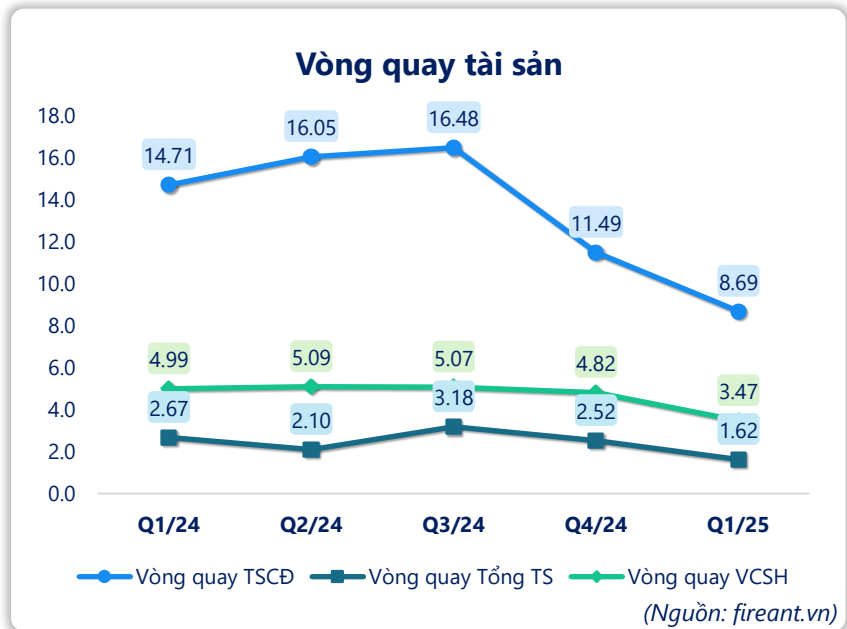
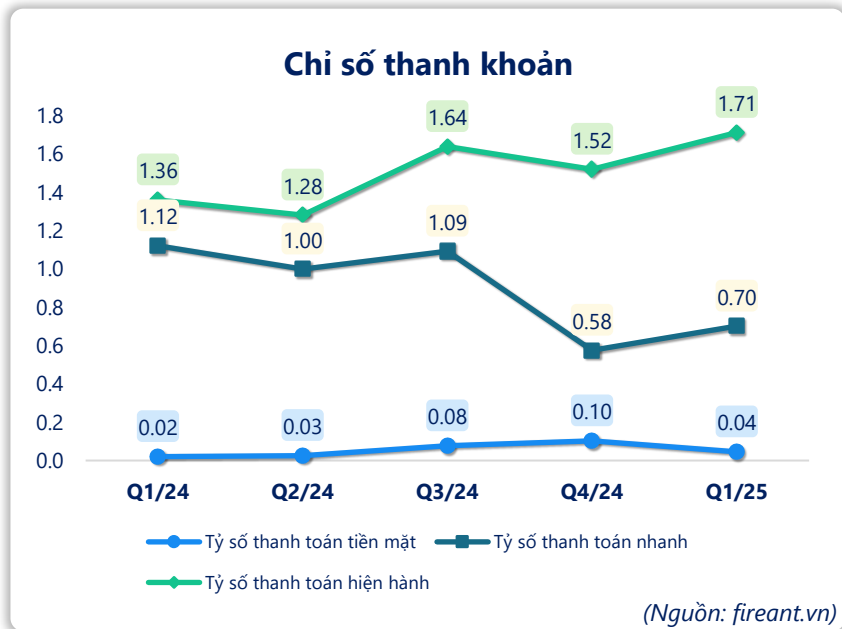
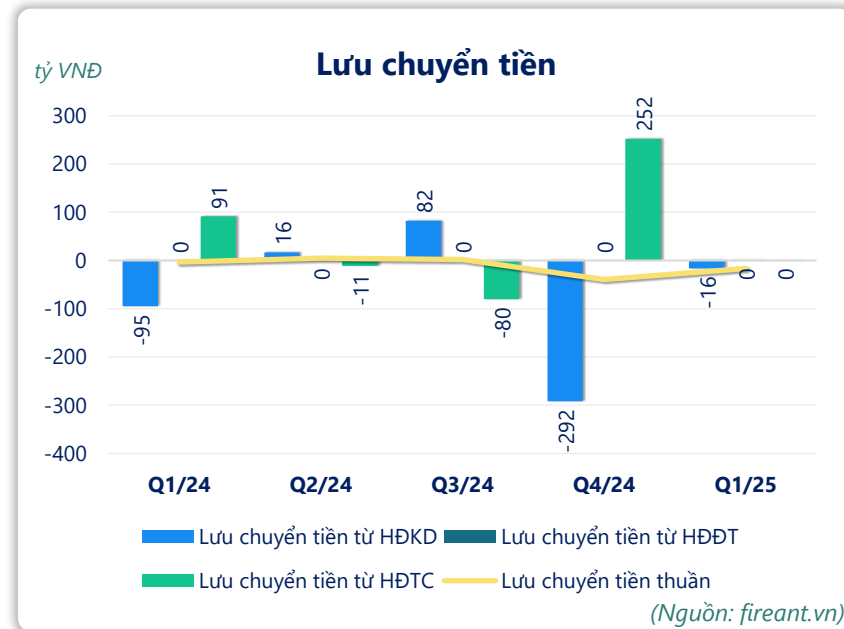
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	417	476	-12.3%
Tài sản ngắn hạn	316	370	-14.6%
Tiền và tương đương tiền	8.28	25.0	-66.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	95.3	128	-25.8%
Hàng tồn kho	187	188	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	28.7	-10.0%
Tài sản dài hạn	101	106	-4.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	88.7	93.0	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.01	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	10.2	10.3	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	184	248	-25.6%
Nợ ngắn hạn	184	248	-25.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	166	232	-28.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	233	228	2.2%
Vốn chủ sở hữu	233	228	2.2%
Vốn điều lệ	129	129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	366	415	219	161	46.4
Giá vốn hàng bán	355	407	217	158	34.1
Lợi nhuận gộp	10.8	7.94	1.83	3.11	12.2
Doanh thu HĐTC	0.08	0.01	0.01	0.10	0.00
Chi phí TC	0.88	1.26	0.37	0	0
Chi phí lãi vay	0.88	1.26	0.37	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0.04	0.04	0.02	0.02
Chi phí QLDN	7.39	7.69	7.22	6.48	7.20
LN thuần từ HĐKD	2.56	-1.04	-5.79	-3.30	5.03
Lợi nhuận khác	0	0	-1.47	0.15	0
LN trước thuế	2.56	-1.04	-7.25	-3.16	5.03
Lợi nhuận sau thuế	2.03	-0.83	-7.18	-2.83	5.03
LNST của CĐ cty mẹ	2.03	-0.83	-7.18	-2.83	5.03

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-94.9	16.4	82.3	-292	-16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	-0.10	0.01	0.21	-0.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	91.5	-11.4	-80.1	252	0.00
Tiền đầu kỳ	10.8	7.45	12.3	14.5	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	-3.35	4.85	2.21	-39.5	-16.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.45	12.3	14.5	-25.0	8.28

(Nguồn: fireant.vn)